

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

(Công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cơ thể phát triển hài hòa cân đối. - Giảm trẻ SDD và dư cân, béo phì: 80%	- Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cơ thể phát triển hài hòa cân đối. - Giảm trẻ SDD và dư cân, béo phì: 80%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021.	- Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Trẻ phát triển toàn diện - Phát triển cân đối về thể lực - Thông minh ham hiểu biết - Yêu thương bạn, lễ phép - Mạnh dạn hồn nhiên - 90-100% trẻ đạt theo yêu cầu của độ tuổi	- Trẻ có thể lực tốt - Độc lập, sáng tạo và có khả năng tự phục vụ bản thân. - Yêu thích cái đẹp - Giáo dục lòng thương người. - Mạnh dạn hồn nhiên - 97-100% trẻ đạt theo yêu cầu của độ tuổi
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Phòng ốc sạch đẹp - Sân chơi thoáng mát - Nhà vệ sinh phù hợp với lứa tuổi - Sử dụng bếp một chiều	- Phòng ốc sạch đẹp - Sân chơi thoáng mát - Nhà vệ sinh phù hợp với lứa tuổi - Sử dụng bếp một chiều

Bình Tân, ngày 5 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Thụy Lê My

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

(Công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	109						
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày (bán trú)	109			25	23	35	26
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú.	109			25	23	35	26
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	109			25	23	35	26
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	109			25	23	35	26
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
6	Phân loại khác							
7	Số trẻ em suy dinh dưỡng							
8	Số trẻ em béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	109			25	23	35	26
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	25			25			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	84				23	35	26

Bình Tân, ngày 5 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Thụy Lệ My

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023-2024**

*(Công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	2m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	9	
1	Phòng học kiên cố	9	2m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.166	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	150	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	9	50m ² /phòng
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	9	14m ² /phòng
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	1	50m ² /phòng
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	1	34m ² /phòng
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	15	

2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	6	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	10	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Ti vi	7	1 cái/ lớp
2	Tủ hồ sơ	2	
3	Máy photo	2	
4	Laptop	1	
5	Bàn ghế đúng quy cách	35 bàn, 200 ghế	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		9		0.8
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Bình Tân, ngày 5 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thụy Lệ My

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

(Công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên	10													
1	Nhà trẻ	3			1		2								
2	Mẫu giáo	7			4	2	1								
II	Cán bộ quản lý	1													
1	Hiệu trưởng	1			1										
2	Phó hiệu trưởng														
III	Nhân viên	3													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Bảo mẫu														
6	Bảo vệ														
7	Phục vụ														
8	Cấp dưỡng	2						2							

Tổng số CB-GV-NV: 14 người

Bình Tân, ngày 5 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thụy Lệ My